

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HS-ST
Ngày 21-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lương Trường Khánh.

2/ Bà Võ Thị Thu Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hà, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST-HS, ngày 07 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Phước T (tên gọi khác: Tư Lùn); sinh năm 1991 tại thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp P, xã P, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: sửa xe; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ph (sống) và bà Phạm Thị X (sống); chưa có vợ con. Tiền án: ngày 25/8/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; ngày 29/11/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/11/2019 đến 22/11/2019 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt.

- Người bị hại:

1/ Ông Huỳnh Thanh N; sinh năm 1992; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Có mặt.

2/ Ông Nguyễn Văn N; sinh năm 1972; nơi cư trú: số 87 ấp B, xã B, thành phố T, tỉnh Long An. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Trương Thị Ngọc T; sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Có mặt.

2/ Ông Võ Lê M; sinh năm 1997; nơi cư trú: số 106/8 ấp T, xã V, huyện C, tỉnh Long An. Có mặt.

3/ Ông Nguyễn Văn P; sinh năm 1989; nơi cư trú: số 168 ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Long An. Vắng mặt.

4/ Bà Võ Thị Bích X; sinh năm 1973; nơi cư trú: số 87 ấp B, xã B, thành phố T, tỉnh Long An. Vắng mặt.

5/ Bà Đoàn Thị Kim N; sinh năm 1995; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 13/11/2019, bị cáo Nguyễn Phước T điều khiển xe mô tô biển số 59N2-659.32 chở bà Trương Thị Ngọc T đến nhà số 106/8, ấp 8, xã Vĩnh Công, huyện Châu Thành, tỉnh Long An với mục đích rủ ông Võ Lê M đi uống nước. Trên đường đi, khi ngang qua nhà dân ở ấp Trung Chánh, xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, thấy sân trước nhà có nhiều xe mô tô đậu không người trông coi nên bị cáo Nguyễn Phước T nảy sinh ý định lấy trộm. Bị cáo T điều khiển xe chạy qua nhà dân này một đoạn rồi xuống xe và kêu bà T điều khiển xe mô tô biển số 59N2-659.32 về nhà ngoại của bà T ở xã Hòa Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Long An trước. Sau đó, bị cáo Nguyễn Phước T đi bộ vào trong sân nhà dân, dùng bộ đoạn đã chuẩn bị sẵn đưa vào ổ khóa xe mô tô hiệu Honda Blade, biển số 63B4-642.41 của ông Huỳnh Thanh N để bẻ khóa và đề máy điều khiển xe mô tô này tẩu thoát về nhà ngoại của bà T. Tại đây, bị cáo T tháo biển số xe mô tô biển số 63B4-642.41, đem giấu ở gốc cây, còn xe mô tô thì cất giấu phía sau nhà ngoại của bà T rồi rủ bà T đến nhà của ông Võ Lê M để rủ ông M đi uống nước và nhờ ông M mang xe mô tô Honda Blade biển số 63B4 -642.41 (lúc này không gắn biển số) cho ông Nguyễn Văn P, ông M đồng ý. Khi đi, ông Võ Lê M điều khiển xe mô tô Honda Blade đi trước, bị cáo Nguyễn Phước T điều khiển xe mô tô biển số 59N2-659.32 chở bà Trương Thị Ngọc T ở phía sau, cả 03 rẽ vào đường Phan Đông Sơn thuộc xã Bình Tâm, thành phố Tân An, tỉnh Long An để đến nhà trọ của ông Nguyễn Văn P thuê tại xã Bình Tâm. Lúc này, bị cáo Nguyễn Phước T phát hiện 01 xe mô tô Yamaha Sirius màu đen đỏ, biển số 62B1-105.71 của ông Nguyễn Văn N đang đậu ngoài đường không người trông coi, bị cáo T nảy sinh ý định trộm cắp xe này. Bị cáo Nguyễn Phước T dùng xe mô tô biển số 59N2-659.32 rồi xuống xe và kêu bà T tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số

59N2-659.32 chạy về phía trước, còn bị cáo T đi bộ tiếp cận xe mô tô biển số 62B1-105.71, dùng bộ đoạn để bẻ khóa rồi điều khiển xe mô tô biển số 62B1-105.71 tẩu thoát về hướng đường Nguyễn Thông, đến trước đường vào nhà trọ của ông P, bị cáo T gặp ông P và chở ông P đến nhà của ông P. Tại đây, bị cáo Nguyễn Phước T đầu xe mô tô biển số 62B1-105.71 và giao xe Honda Blade (không gắn biển số) cho các ông P và M tìm người bán, ông P đồng ý. Lúc sau, vì nghi ngờ về nguồn gốc của xe mô tô Honda Blade nên ông P đã mang xe này đến trình báo và giao nộp cho Cơ quan Công an. Đến khoảng 13 giờ 40 phút cùng ngày, ông Nguyễn Văn P hẹn bị cáo Nguyễn Phước T, bà Trương Thị Ngọc T đến quán cà phê Sơn, địa chỉ: số 28, đường Nguyễn Minh Trường, phường 3, thành phố Tân An, tỉnh Long An và báo cho bị cáo T biết không bán được xe Honda Blade, bị cáo T nhờ ông P về nhà ông P đem xe mô tô biển số 62B1-105.71 đến cho bị cáo T, khi ông P vừa đem xe mô tô biển số 62B1-105.71 đến giao cho bị cáo T thì lực lượng Công an tiến hành kiểm tra quán cà phê Sơn, phát hiện xe mô tô biển số 62B1-105.71 (đã gắn đổi biển số thành 72S1-2442, biển số 62B1-105.71 trong cốp xe) nhưng bị cáo Nguyễn Phước T, bà Trương Thị Ngọc T, ông Võ Lê M đều không xuất trình được chứng nhận đăng ký xe nên bị mời về trụ sở làm việc thì bị cáo Nguyễn Phước T thừa nhận hành vi trộm cắp xe mô tô biển số 62B1-105.71.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 09/BKLĐGTS, ngày 16/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang kết luận 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Honda Blade, màu sơn xanh-đen, biển số 63B4-642.41 có giá trị 16.880.000 đồng.

Tại kết luận về việc định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số 370/KL-HĐĐG, ngày 13/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Tân An, tỉnh Long An kết luận 01 xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS màu đen đỏ, biển số 62B1-105.71 có giá trị 4.560.000 đồng.

Bà Trương Thị Ngọc T, ông Võ Lê M, ông Nguyễn Văn P không biết việc bị cáo Nguyễn Phước T trộm cắp tài sản nên không phải chịu trách nhiệm hình sự về các tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; không tố giác tội phạm; che giấu tội phạm; cũng không đồng phạm với bị cáo Nguyễn Phước T.

Việc thu giữ đồ vật và xử lý vật chứng của vụ án:

- Các vật chứng đã trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp và không ai có yêu cầu gì khác, cụ thể như sau:

+ 01 xe mô tô Yamaha Sirius màu đen đỏ, biển số 62B1-105.71 do bị cáo T trộm vào ngày 13/11/2019 tại thành phố Tân An, tỉnh Long An thuộc sở hữu của người bị hại ông Nguyễn Văn N.

+ 01 xe mô tô Honda Blade màu xanh-đen (không gắn biển số) do bị cáo T trộm vào ngày 13/11/2019 tại xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang thuộc sở hữu của người bị hại ông Huỳnh Thanh N.

+ 01 điện thoại di động cảm ứng, nhãn hiệu OPPO màu trắng hồng là điện thoại do bị cáo T mượn của bà Trương Thị Ngọc T để sử dụng vào việc liên lạc.

- Các vật chứng không chuyển theo hồ sơ vụ án mà tiếp tục xác minh, xử lý, cụ thể như sau:

+ 01 biển số xe mô tô 72S1-2442 là biển số được gắn đổi vào xe mô tô 63B4-642.41 nhằm che giấu đặc điểm nhận dạng. Qua xác minh được biết người đứng tên đăng ký sở hữu xe mô tô biển số 72S1-2442 là ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1980, địa chỉ ấp Hải Điền 2 (nay thuộc tổ 12, khu phố Hải Lộc), thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố Phước Trung, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công an thị trấn L, huyện L và thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xác nhận ông Nguyễn Đức L hiện tại không có ở địa phương, đi đâu, làm gì không rõ.

- 01 xe mô tô Attila màu đỏ, biển số 59N2-659.32 do bị cáo Trung mượn của người tên Tâm không biết địa chỉ cụ thể. Qua xác minh được biết người đứng tên đăng ký sở hữu xe mô tô biển số 59N2-659.32 là Lê Thị Thanh T, sinh năm 1985, địa chỉ số D11/329, ấp 4, xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. Công an xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh xác nhận Lê Thị Thanh T hiện tại không có ở địa phương, ở đâu, làm gì không biết.

Về bồi thường thiệt hại: Các người bị hại đã nhận lại được tài sản nên không có yêu cầu gì.

Tại cáo trạng số 36/CT-VKSTA-HS ngày 06/4/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An đã truy tố bị cáo Nguyễn Phước T về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của bị cáo Nguyễn Phước T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An truy tố tại bản cáo trạng số 36/CT-VKSTA-HS ngày 06/4/2020. Cụ thể: Truy tố: Về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phước T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ vào điểm g khoản 2, Điều 173; Điều 50; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Phước T từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù. Bị cáo Nguyễn Phước T phải có nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi bị cáo đã thực hiện là vi phạm pháp luật, cáo trạng truy tố đối với bị cáo là đúng, bị cáo biết lỗi, rất hối hận, cho bị cáo gửi lời xin lỗi đến các người bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Tân An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án phù hợp với nhau, không có mâu thuẫn.

Qua lời khai nhận hành vi của bị cáo cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa thông qua việc thẩm tra các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo được xét hỏi tại phiên tòa đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo như sau: Bị cáo Nguyễn Phước T phát hiện các chủ sở hữu có sơ hở trong quản lý tài sản của mình là đậu xe mô tô mà không có người trông coi, cụ thể vào ngày 13/11/2019 bị cáo Nguyễn Phước T dùng đoản đã mang theo sẵn, bẻ khóa xe lén lút lấy trộm 01 xe mô tô Honda Blade màu xanh-đen biển số 63B4-642.41 của ông Huỳnh Thanh N có giá trị 16.880.000 đồng khi xe được đậu tại sân trước nhà dân ở ấp Trung Chánh, xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang và lén lút lấy trộm 01 xe mô tô Yamaha Sirius màu đen đỏ, biển số 62B1- 105.71 của ông Nguyễn Văn N có giá trị 4.560.000 đồng khi xe được đậu tại đường Phan Đông Sơn, xã Bình Tâm, thành phố Tân An, tỉnh Long An. Tổng giá trị tài sản bị cáo Nguyễn Phước T đã chiếm đoạt là 21.440.000 đồng. Với hành vi lén lút của bị cáo Nguyễn Phước T và giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là đã có hành vi trộm cắp tài sản của người khác, bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội do cố ý nên hành vi vi phạm của bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đồng thời qua phân tích, đánh giá nhận định của đại diện Viện kiểm sát trong phần luận tội, nhận thấy những căn cứ Viện kiểm sát viện dẫn làm căn cứ chứng minh hành vi phạm tội để đề nghị truy tố, xử phạt bị cáo Nguyễn Phước T theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và hoàn toàn chính xác đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Hành vi trái pháp luật do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Xuất phát từ việc xem thường pháp luật, bị cáo có đủ sức khoẻ lao động phục vụ bản thân, lo cho gia đình và đóng góp cho xã hội nhưng lại không chịu lao động mà muốn có tài sản để tiêu xài theo sự ham muốn cá nhân của mình, nên thúc đẩy và đưa bị cáo vào đường phạm tội. Trục tiếp chiếm đoạt tài sản của người khác được pháp luật quy định bảo vệ. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cần phải xác định đến tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo để có một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Đối với bị cáo cần phải được xử lý thật nghiêm khắc theo quy định của pháp luật, xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn và buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi cuộc sống xã hội trong một thời gian nhất định để chấp hành hình phạt mới có đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt và phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo phạm tội 02 lần là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã bị kết án nhiều lần về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý về hành vi trộm cắp tài sản, nhưng bị cáo không chịu sửa chữa khắc phục mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, xét bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo có xem xét giảm nhẹ một phần khi quyết định hình phạt.

[4] Bà Trương Thị Ngọc T, ông Võ Lê M, ông Nguyễn Văn P không biết việc bị cáo Nguyễn Phước T trộm cắp tài sản nên không phải chịu trách nhiệm hình sự về các tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; không tố giác tội phạm; che giấu tội phạm; cũng không đồng phạm với bị cáo Nguyễn Phước T.

[5] Các biện pháp tư pháp:

Về bồi thường thiệt hại: Các người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì, các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có yêu cầu gì, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động cảm ứng, nhãn hiệu OPPO màu trắng hồng là điện thoại do bị cáo T mượn của bà Trương Thị Ngọc T để sử dụng vào việc liên lạc, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tân An, tỉnh Long An đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà T là phù hợp, không đề cập đến.

- Đối với 01 biển số xe mô tô 72S1-2442 là biển số được gắn đổi vào xe mô tô 63B4-642.41 nhằm che giấu đặc điểm nhận dạng. Qua xác minh được biết người đứng tên đăng ký sở hữu xe mô tô biển số 72S1-2442 là ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1980, địa chỉ ấp Hải Điền 2 (nay thuộc tổ 12, khu phố Hải Lộc), thị trấn

L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố P, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công an thị trấn L, huyện L và thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xác nhận ông Nguyễn Đức L hiện tại không có ở địa phương, đi đâu, làm gì không rõ. 01 xe mô tô Attila màu đỏ, biển số 59N2-659.32 do bị cáo T mượn của người tên T không biết địa chỉ cụ thể. Qua xác minh được biết người đứng tên đăng ký sở hữu xe mô tô biển số 59N2-659.32 là Lê Thị Thanh T, sinh năm 1985, địa chỉ số D11/329, ấp 4, xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. Công an xã T, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh xác nhận Lê Thị Thanh T hiện tại không có ở địa phương, ở đâu, làm gì không biết, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tân An, tỉnh Long An tiếp tục xác minh, xử lý sau, không đề cập đến.

[6] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phước T (tên gọi khác: Tư Lùn) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào điểm g khoản 2, Điều 173; Điều 50; điểm g khoản 1, Điều 52; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước T (tên gọi khác: Tư Lùn) 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/11/2019.

Căn cứ vào Điều 329 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Phước T (tên gọi khác: Tư Lùn) với thời hạn tạm giam là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

- Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Phước T (tên gọi khác: Tư Lùn) phải có nghĩa vụ chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án này. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND TPTA;
- VKSND tỉnh LA;
- Công an TPTA;
- Cơ quan THAHS;
- Bị cáo, đương sự;
- THA, AV, Lưu .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Liên

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Trường Khánh Võ Thị Thu Nga

Nguyễn Thị Hồng Liên

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND TPTA;
- VKSND tỉnh LA;
- Công an TPTA;
- Cơ quan THAHS;
- Bị cáo, đương sự;
- THA, AV, Lưu .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Liên

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND TPTA;
- VKSND tỉnh LA;
- Công an TPTA;
- Cơ quan THAHS;
- Bị cáo, đương sự;
- THA, AV, Lưu .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Liên

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND TPTA;
- VKSND tỉnh LA;
- Công an TPTA;
- Cơ quan THAHS;
- Bị cáo, đương sự;
- THA, AV, Lưu .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Liên

Số: 66/TLA

Tân An, ngày 15 tháng 8 năm 2011

TRÍCH LỤC BẢN ÁN HÌNH SỰ

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 66/2011/HSST ngày 15/8/2011 đối với bị cáo:

Trần Đình Thắng; sinh năm 1988 tại Long An; trú tại: số 374 ấp Bình Trung, xã Nhơn Thạnh Trung, thành phố Tân An, tỉnh Long An; nghề nghiệp: thợ bạc; trình độ văn hóa: lớp 10/12; con ông Trần Văn Bền (chết) và bà Lê Thị Bé (sống); bản thân chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo được tại ngoại. Có mặt.

- Người bị hại: Nguyễn Thanh Tuấn; sinh năm 1982; nghề nghiệp: công nhân; trú tại: số 176 ấp Bình Trung, xã Nhơn Thạnh Trung, thành phố Tân An, tỉnh Long An. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Thị Trâm Anh; sinh năm 1961; nghề nghiệp: kinh doanh; trú tại: số 01 đường Lý Công Uẩn, phường 1, thành phố Tân An, tỉnh Long An. Có mặt.

2/ Lê Thành Minh; sinh năm 1983; nghề nghiệp: tài xế; trú tại: số 71/1 đường Nguyễn Văn Quá, phường Khánh Hậu, thành phố Tân An, tỉnh Long An. Vắng mặt

3/ Lê Bích Vân; sinh năm 1972; nghề nghiệp: công nhân; trú tại: ấp Bình Trung, xã Nhơn Thạnh Trung, thành phố Tân An, tỉnh Long An. Có mặt.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN ĐÃ QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Đình Thắng phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 2, Điều 202; Điều 45; các điểm b, p khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 47; Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Đình Thắng 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Đình Thắng cho Ủy ban nhân dân xã Nhơn Thạnh Trung, thành phố Tân An, tỉnh Long An giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Đình Thắng phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án này. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN,
TỈNH LONG AN
THẨM PHÁN**

NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN

